TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ V** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 172/2019/HS-ST
Ngày 30/11/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phong Phú**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Vũ Văn Chuyển**
Bà **Nguyễn Thị Mùi**
Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hương Thủy**– Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông **Đoàn Tuấn Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 163/2018/TLST - HS ngày 20 tháng 11 năm 2018 đối với các bị cáo:

1.Nguyễn Trọng C - Sinh năm 1980; tên gọi khác:không; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 3, xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Lái xe; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; bố đẻ: Nguyễn Trọng S - sinh năm 1956; mẹ đẻ: Trần Thị H - sinh năm: 1956; Hiện bố mẹ bị can ở khu 3, xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ; Gia đình có 04 chị, em, bị cáo là con thứ hai.trong gia đình; vợ: Lê Thị N, sinh năm 1983; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con: Có 04 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2016. Hiện vợ, con bị cáo ở khu 3, xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo không bị bắt tạm giữ, hiện cư trú tại xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 118 ngày 24/8/2018.

2. Đinh Thị T - sinh năm 1984; tên gọi khác:không; giới tính: Nữ; - Nơi sinh: Xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ; Nơi ĐKHKTT: Khu 2, phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Kế toán; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; bố đẻ: Bố đẻ: Đinh Văn L - sinh năm

1948 (Đã chết); - Mẹ đẻ: Đào Thị T - sinh năm 1948; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Hiện ở khu 16, xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ;Gia đình có 03 anh, em; bị cáo là con thứ ba; rong gia đình; Chồng: Nguyễn Viết C - sinh năm 1983; Nghề nghiệp: Nhân viên C ty TNHH Thương mại và dịch vụ Việt Lâm;Con: Có 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2013. Hiện chồng, con bị cáo ở khu 2, phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ; - Tiền án, tiền sự: Không.Bị caó không bị bắt tạm giữ, hiện cư trú tại phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 119 ngày 24/8/2018; Tiền án, tiền sự: Không.

(Bị cáo C và bị cáo T có mặt)

<u>Người bị hại:</u> Doanh nghiệp tư nhân Thành Chung

Địa chỉ: Số nhà 3163 Đại lộ Hùng Vương, phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị Mai H – sinh năm 1983

Trú tại: Số 112 B, khu Vĩnh Phúc 2, quận B, TP Hà Nội

(chị H có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Trọng C, sinh năm 1980, trú tại khu 3, xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ và Đinh Thị T, sinh năm 1984 trú tại khu 2, phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ là nhân viên của Doanh nghiệp tư nhân Thành Chung, do ông Nguyễn Thành C, sinh năm 1960, trú tại khu 1, phường Vân cơ, thành phố V, tỉnh Phú Thọ, có trụ sở tại số nhà 3163, tổ 1A, khu 1, phường Vân Cơ, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Ngành nghề kinh doanh là bán buôn, bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá. T làm kế toán có nhiệm vụ theo dõi sổ sách của doanh nghiệp và nhập hàng hóa vào phần mềm, C là lái xe kiêm nhân viên bán hàng.

Khoảng đầu tháng 8/2018, do biết T được doanh nghiệp tin tưởng, giao nhiệm vụ theo dõi sổ sách xuất hàng nên C đã bàn với T về việc trong quá trình bán hàng, nếu mặt hàng nào bán được nhiều thì C sẽ dùng bút xóa sửa vào sổ của C, sau đó gọi điện thoại thông báo để T sửa chữa bằng bút xóa vào sổ xuất hàng của doanh nghiệp mà T quản lý theo hướng giảm số lượng hàng so với số lượng hàng thực tế đã nhận nhằm chiếm đoạt tài sản của doanh nghiệp. Số tiền chiếm đoạt được C sẽ chia cho T theo tỷ lệ 50/50. T thấy việc quản lý sổ sách của doanh nghiệp có nhiều sơ hở nên đồng ý thực hiện như C gợi ý.

Khoảng 15 giờ ngày 15/8/2018, sau khi đi bán hàng, nhận thấy mặt hàng thuốc lá Thăng Long loại bao cứng và thuốc lá Vinataba bán được nhiều nên C gọi điện thoại bảo T sửa chữa sổ xuất hàng đối với mặt hàng thuốc lá Thăng Long bao cứng và thuốc lá Vinataba để chiếm đoạt 70 cây thuốc lá Thăng Long bao cứng và 20 cây thuốc lá Vinataba. T nhất trí, sau đó đã mượn sổ xuất hàng của chị Lê Thu Thủy, sinh năm 1961, trú tại phường Vân Cơ, thành phố V là thu kho kiêm quản lý doanh nghiệp với lý do để cập nhật số liệu bán hàng. Do tin tưởng nên chị Thủy đã giao sổ cho T. Có được sổ xuất hàng, T sửa số liệu ở cột thể hiện hàng giao đầu ngày 15/8/2018, đối với mặt hàng Thăng Long bao cứng, sửa từ *"52,40"* nghĩa là 52 thùng 40 cây, thành *"51,20"* nghĩa là 51 thùng 20 cây, chênh lệch là 01 thùng 20, bằng 70 cây thuốc, trị giá 5.320.000 đồng; đối với mặt hàng thuốc lá Vinataba sửa từ *"5,40"* nghĩa là 5 thùng 40 cây thành *"5,20"* nghĩa là 5 thùng 20 cây, chênh lệch 20 cây thuốc, trị giá 3.280.000 đồng. Tổng số tiền chiếm đoạt được trong ngày 15/8/2018 là 8.600.000 đồng.

Ngày 16/8/2018, C tiếp tục gọi điện thoại cho T và bảo T sửa chữa sổ xuất hàng đối với mặt hàng thuốc lá Vinataba và thuốc lá Sài gòn bạc để chiếm đoạt mỗi loại 50 cây. T mượn sổ xuất hàng của chị Lê Thu Thủy và sửa số liệu ở cột hàng xuất thêm ngày 15/8/2018 và cột hàng giao đầu ngày 16/8/2018 đối với mặt hàng thuốc lá Vinataba sửa từ *"8"* nghĩa là 8 thùng thành *"7"* nghĩa là 7 thùng, chênh lệch 01 thùng tương đương 50 cây thuốc, trị giá 8.200.000 đồng; đối với mặt hàng thuốc lá Sài gòn bạc sửa từ *"7,8"* nghĩa là 07 thùng 8 cây thành *"6,8"* nghĩa là 6 thùng 8 cây, trị giá 4.000.000 đồng. Tổng số tiền chiếm đoạt được là 12.200.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền C và T chiếm đoạt trong hai ngày 15 và 16/8/2018 là 20.800.000 đồng. Theo thỏa thuận từ trước, C đã chia cho T số tiền 10.400.000 đồng.

Ngày 21/8/2018, chị Nguyễn Thị Mai Hương, sinh năm 1983, trú tại 112B khu Vĩnh Phúc 2, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, là đại diện theo ủy quyền của doanh nghiệp có đơn trình báo đến C an thành phố V, tỉnh Phú Thọ về hành vi chiếm đoạt tài sản của doanh nghiệp. Quá trình xác minh, điều tra đã xác định được hành vi chiếm đoạt tài sản của Doanh nghiệp tư nhân Thành Chung số lượng tài sản là thuốc lá có trị giá là 20.800.000 đồng do Nguyễn Trọng C và Đinh Thị T thực hiện trong hai ngày 15 và 16/8/2018 *(BL 196 - 233)*. Tại Cơ quan điều tra, C và T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên, đồng thời giao nộp số tiền đã chiếm đoạt *(Bl 96-97)* . Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu LP model F11, màu xanh kèm sim số 0889307463 của C và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, model 1280, màu tím kèm sim số 0888152596 của T. Đây là 02

chiếc điện thoại C và T dùng để liên lạc nhằm thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản.

Ngày 17/10/2018, đại diện Doanh nghiệp tư nhân Thành Chung đã nhận lại số tiền 20.800.000 đồng và có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt đối với C và T.

Đối với chị Lê Thu Thủy, do tin tưởng T, không biết việc T sửa chữa sổ xuất nhập hàng thuốc lá nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Về điều kiện kinh tế của các bị can, Cơ quan điều tra xác định bị can C không có tài sản gì có giá trị, bị can T có tài sản chung với chồng là anh Nguyễn Viết Cường, sinh năm 1983, hộ khẩu thường trú tại khu 2, phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ là 01 thửa đất, diện tích 82,2 m2, tài sản trên đất là 01 ngôi nhà hai tầng.

Tạn bản cáo trạng số: 176/CT-VKS-VT ngµy 18/11/2018 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì truy tố Nguyễn Trọng C và Đinh Thị T về tội " Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố V giữ nguyên quan điểm truy tố đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 175, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ xung năm 2017: xử phạt bị cáo C và bị cáo T mỗi bị cáo từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

Trước khi Hội đồng xét xử vào phòng xử án, bị cáo nói lời nói sau cùng: bị cáo ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Về tố tụng*:

Hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân thành phố V, Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Các quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng đã được tống đạt cho các bị cáo

đúng thời hạn do pháp luật quy định. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì.

[2] *Về nội dung:*

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Trong hai ngày 15 và 16/8/2018, Nguyễn Trọng C và Đinh Thị T lợi dụng sự tin tưởng của chị Lê Thu Thủy, là người quản lý sổ sách nhập hàng thuốc lá cho Doanh nghiệp tư nhân Thành Chung, do ông Nguyễn Thành Chung làm chủ để sau đó C là người thông báo việc số lượng hàng thuốc lá chiếm đoạt được cho Đinh Thị T để sửa sổ nhập xuất hàng và T đã sửa sổ với số lượng là 70 cây thuốc lá Thăng Long trị giá 5.320.000 đồng, 70 cây thuốc lá Vinataba trị giá 11.480.000 đồng, 8 cây thuốc lá Sài Gòn, trị giá 4.000.000 đồng. Tổng số tiền chiếm đoạt được cho 3 loại thuốc lá trên là 20.800.000 đồng.

Hành vi nêu trên của Nguyễn Trọng C và Đinh Thị T phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi "lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" của doanh nghiệp tư nhân Thành Chung với giá trị tài sản xác định là: 20.800.000 đồng quy định tại khoản 1 Điều 175 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 .

Điều 175 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

"1. Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại hoặc tài sản có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;

b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.

2…"

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ cũng như lời khai của người bị hại với vật cứng đã thu giữ. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo C và bị cáo T thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp.

Do vậy khi quyết định hình phạt cần xem xét áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo cần xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo.Về nhân thân: Cả hai bị cáo đều có nhân thân tốt, trước lần phạm tội này cả C và T đều chưa có tiền án, tiền sự. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo C và bị cáo T 2 lần câu kết với nhau để sửa sổ sách chiếm đoạt số tiền 20.800.000 đồng nên bị cáo C và bị cáo T chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo C và bị cáo T sau khi phạm tội các bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại và người bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử xem xét thấy các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên có thể áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Xét thấy các bị cáo hiện nay không còn làm cho doanh nghiệp, không có việc làm ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: xét thấy các bị cáo không có tài sản riêng gì có giá trị nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Đối với 02 chiếc điện thoại Cơ quan điều tra đã thu giữ gồm 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu LP model F11, màu xanh kèm sim số 0889307463 của C và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, model 1280, màu tím kèm sim số 0888152596 của T. Đây là 02 chiếc điện thoại C và T dùng để liên lạc nhằm thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nên cần tịch thu sung C quỹ nhà nước.

[3] *Về án phí:*

Cần buộc mỗi bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

quyÕt ®Þnh:

1/ Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Trọng C và Đinh Thị T phạm tội " Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"

Áp dụng: khoản 1 Điều 175; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: Nguyễn Trọng C 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữa tính từ ngày UBND xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ được giao giám sát bị cáo C nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo C cho UBND xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục và gia đình bị cáo C có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo C trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt: Đinh Thị T 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữa tính từ ngày UBND phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ được giao giám sát bị cáo T nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo T cho UBND UBND phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục và gia đình bị cáo T có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo T trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Miễn khấu trừ thu nhập và miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo

2/ Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung C quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu LP model F11, màu xanh đã qua sử dụng kèm sim số 0889307463 của bị cáo C và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, model 1280, màu tím đã qua sử dụng kèm sim số 0888152596 của bị cáo T. (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/11/2018)

3/ về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Bị cáo Nguyễn Trọng C và bị cáo Đinh Thị T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết để đề nghị xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND thành phố V, tỉnh Phú Thọ;
- C an thành phố V, tỉnh Phú Thọ;
- THA HS, DS thành phố V, tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã V, huyện L
-UBND phường G, thành phố V;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Phong Phú